

Số: 123 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thu hồi vốn tạm ứng quá hạn và thực hiện các kiến nghị sau khảo sát của Thường trực và các Ban HĐND tỉnh về tình hình tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 2940
	Ngày: 14.6.18
	Chuyên: Theo

Theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 116/HĐND-KTND ngày 07/5/2018 về việc giải quyết các kiến nghị sau giám sát, khảo sát của Thường trực và Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại Báo cáo số 307/BCHĐND ngày 02/11/2017 về tình hình tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng của các chủ đầu tư các công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và các chủ đầu tư báo cáo việc triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

1. Đánh giá chung về công tác tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng

Trong những năm qua, căn cứ các văn bản của Nhà nước quy định về công tác tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng đối với các công trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản và tập trung chỉ đạo, điều hành. Theo đó, công tác quản lý vốn tạm ứng đối với các công trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực; tỷ lệ % giữa nợ quá hạn trên tổng dư nợ tạm ứng cũng như giá trị tuyệt đối nợ tạm ứng quá hạn đều giảm qua từng năm, được thể hiện qua số liệu theo dõi như sau:

Dư nợ tạm ứng quá hạn tại thời điểm tháng 12/2013 là 45,7% (142.307,6 triệu đồng quá hạn/tổng dư nợ tạm ứng là 653.866 triệu đồng); thời điểm tháng 12/2014 là 16,9% (110.820 triệu đồng quá hạn/tổng dư nợ tạm ứng là 653.866 triệu đồng); thời điểm tháng 10/2015 là 8,6% (76.981,8 triệu đồng quá hạn/tổng dư nợ tạm ứng là 898.607 triệu đồng); thời điểm tháng 12/2016 là 3,2% (37.199,3 triệu đồng quá hạn/tổng dư nợ tạm ứng là 1.144.196,2 triệu đồng) và thời điểm tháng 12/2017 là 1,31% (23.976,6 triệu đồng quá hạn/tổng dư nợ tạm ứng là 1.824.717,6 triệu đồng).

Qua rà soát báo cáo của Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi về nợ tạm ứng, cho thấy các khoản tạm ứng phát sinh sau năm 2015 đến nay được quản lý chặt chẽ, thu hồi đúng hạn theo quy định, không để xảy ra quá hạn. Tuy nhiên, công tác tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng vẫn còn hạn chế và tồn tại:

- Tổng giá trị dư nợ tạm ứng cuối năm trên tổng kế hoạch vốn đầu tư hàng năm còn chiếm tỷ trọng lớn; đối với một số gói thầu có giá trị lớn, thời gian thi công nhiều năm, chủ đầu tư chưa cùng với nhà thầu tính toán mức ứng từng lần cho hợp lý (điển hình là gói thầu xây lắp dự án cầu Cửa Đại, ứng trong năm 2017 nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 736.963,56 triệu đồng trên kế hoạch vốn 800.000 triệu đồng).

- Một số gói thầu, dự án quản lý vốn tạm ứng chưa đảm bảo đúng quỹ định của Nhà nước, còn để xảy ra dư nợ quá hạn nhiều năm nhưng chưa được tập trung thu hồi dứt điểm (đến thời điểm 31/3/2018 còn tồn đọng 24 tỷ đồng).

- Một số gói thầu, dự án tuy không có dư nợ quá hạn nhưng có điều kiện thanh toán khối lượng hoàn thành thu hoàn ứng không ảnh hưởng tới thanh toán kế hoạch vốn lần sau, nhưng chủ đầu tư chưa chủ động cùng với nhà thầu thực hiện.

2. Kết quả thu hồi vốn tạm ứng quá hạn trong năm 2017

Tổng dư nợ quá hạn thời điểm 31/12/2016 là 38.893,8 triệu đồng, kết quả thu hồi trong năm 14.917,3 triệu đồng, đạt 38%; số kinh phí dư tạm ứng quá hạn còn lại sau 2017 chưa thu hồi là 23.967,6 triệu đồng (*chi tiết kết quả thực hiện của từng đơn vị có biểu phụ lục đính kèm*).

Theo báo cáo của các đơn vị, về kinh phí đền bù còn tồn đọng chưa thu hồi (2.715,3 triệu đồng) chủ yếu tập trung ở Ban Quản lý KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi. Hiện nay đơn vị đang tập trung quyết toán các dự án (phương án) đền bù đã thực hiện, trên cơ sở các phương án đền bù được quyết toán, đơn vị sẽ thực hiện xử lý công nợ và thu hồi hoàn ứng dứt điểm; thời gian dự kiến dứt điểm trong quý III/2018. Về nội dung chi xây lắp, trừ các dự án thuộc đơn vị huyện Đức Phổ với khoản kinh phí 5.347,1 triệu đồng đang hoàn chỉnh phiếu giá để thanh toán hoàn ứng và đẩy nhanh tiến độ thực hiện (dự án hồ chứa nước Cây Xoài) để thu hồi, còn lại các dự án khác với khoản kinh phí 14.775,4 triệu đồng (đường Giá Gôi - Mô Nít; đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung; đường Trà Phong - Trà Ka; đường Ba Tơ - Ba Lễ; Lâm viên Thiên Ân thuộc các huyện Tây Trà, Sơn Hà, Ba Tơ và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ứng cho đơn vị thi công nhưng hiện nay các gói thầu đã dừng thi công, đơn vị thi công mất khả năng thanh toán, các chủ đầu tư đã và đang đưa ra cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi theo quy định. Trong thời gian tới, UBND tỉnh giao Sở Tài chính tiếp tục đôn đốc các đơn vị thực hiện.

3. Thực hiện các kiến nghị, đề xuất qua kết quả khảo sát tình hình tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng

a) Về nội dung làm rõ nguyên nhân, xử lý trách nhiệm cá nhân, đơn vị có liên quan vốn tạm ứng quá hạn chậm thu hồi: UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo, trong đó tại Công văn số 5004/UBND-TH ngày 17/8/2017 yêu cầu các đơn vị có dư nợ tạm ứng quá hạn không hoàn thành việc thu hồi nghiêm túc tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan (đề xuất hình thức xử lý kỷ luật nếu có) báo cáo cho UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất UBND tỉnh xem xét. UBND tỉnh đã báo cáo Ban cán sự đảng UBND tỉnh trong việc xem xét kiểm điểm các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Về tính toán thời điểm tạm ứng, mức tạm ứng và thu hồi tạm ứng trên giá trị của mỗi lần thanh toán: Theo Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi phản ánh hiện nay cơ bản các chủ đầu tư thực hiện theo đúng chế độ quy định và được cụ thể hóa trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu; việc thu hồi từng lần được Kho bạc Nhà nước phối hợp với chủ đầu tư thực hiện thu hồi từng lần đúng nội dung được xác định trong hợp đồng; theo đó gần như các khoản tạm ứng phát sinh những năm gần đây không để xảy ra quá hạn.

Tuy nhiên, có một số dự án cá biệt do việc bố trí kế hoạch vốn năm chưa phù hợp với tiến độ thi công trong năm và cơ chế sử dụng vốn được phân bổ nên từ đó buộc chủ đầu tư thương thảo với nhà thầu về mức tạm ứng tuy không vượt mức tối đa quy định nhưng có phần chưa phù hợp (*điển hình là gói thầu xây lắp cầu Cửa Đại, cuối năm mới hoàn thành công tác đấu thầu ký kết hợp đồng, nhưng kế hoạch vốn được bố trí 800 tỷ đồng. Để sử dụng hết kế hoạch vốn không ảnh hưởng tới việc bố trí kế hoạch vốn cho năm tiếp theo, chủ đầu tư phải thực hiện ứng 1 lần làm cho số dư tạm ứng của dự án tại thời điểm sau tạm ứng là rất lớn*).

c) Về chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với chủ đầu tư trong việc tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng chưa đúng quy định: Trong thời gian qua, các chủ đầu tư đã tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm; theo đó các khoản tạm ứng những năm gần đây gần như được kiểm soát chặt chẽ và thu hồi đúng hạn, không để phát sinh dư nợ tạm ứng quá hạn. Tuy nhiên, việc thu hồi các khoản nợ tạm ứng quá hạn tồn đọng qua nhiều năm, mặc dù UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc nhưng một số chủ đầu tư chưa có giải pháp quyết liệt để thu hồi dứt điểm.

d) Về thu hồi vốn đã tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện dự án Trồng rừng ngập mặn ven biển tại các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương huyện Bình Sơn còn tồn đọng 1.965,37 triệu đồng: UBND tỉnh đã xem xét, thống nhất do điều kiện khách quan nên không thể tiếp tục trồng mới phần diện tích còn lại (23,838 ha) và chấm dứt thực hiện dự án; chủ đầu tư tiến hành thực hiện quyết toán dự án hoàn thành, xử lý công nợ và thu hồi hoàn ứng theo đúng quy định; dự kiến hoàn thành trong năm 2018.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi
- VPUB: PCVP, các phòng Ng/c, CB ;
- Lưu: VT, TH (Tst116).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI NỢ TẠM ỨNG QUÁ HẠN
TRONG NĂM 2017**



Số báo cáo số: **123/BC-UBND** ngày **13/6/2018** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên dự án	Niên độ tạm ứng	Tổng số dư nợ tạm ứng quá hạn đến thời điểm 31/12/2016	Số thu hồi đến 31/12/2017	Tổng số nợ tạm ứng quá hạn còn phải thu hồi	Trong đó		Tỉ lệ % thu hồi
						Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	
1	2	3	4	5	6=4-5	7	8	9
	Tổng cộng		38,893,857	14,917,250	23,976,607	21,261,315	2,715,292	38%
A	UBND các huyện, TP		26,273,868	6,821,716	19,452,152	19,358,713	93,439	26%
I	UBND Thành phố Quảng Ngãi		2,630,539	2,630,539	-	-	-	100%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		<i>2,630,539</i>	<i>2,630,539</i>	-	-	-	<i>100%</i>
1	Đường Nguyễn Tự Tân	2012	41,166	41,166				100%
2	Trường THCS Trần Phú	2013	87,360	87,360				100%
3	Đường Chu Văn An	2008	421,830	421,830				100%
4	Đường Thành Cổ - núi Bút		1,382,329	1,382,329	-	-	-	100%
		2002	83,057	83,057				100%
		2003	74,992	74,992				100%
		2007	1,224,280	1,224,280				100%
5	Thoát nước Hào Thành		215,983	215,983	-	-	-	100%
		2012	26,918	26,918				100%
		2013	5,325	5,325				100%
		2014	183,740	183,740				100%
6	Đường Nguyễn Đình Chiểu	2013	241,172	241,172				100%
7	Đường Phan Đình Phùng	2013	216,603	216,603				100%
8	Đường Ngô Sỹ Liên		24,096	24,096	-	-	-	100%
		2013	10,778	10,778				100%
		2014	13,318	13,318				100%
II	UBND huyện Đức Phổ		8,489,639	3,142,497	5,347,142	5,347,142	-	37%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		<i>8,489,639</i>	<i>3,142,497</i>	<i>5,347,142</i>	<i>5,347,142</i>	-	<i>37%</i>
1	Đường Quốc lộ 1A - Mỹ Á (gđ 2)		472,241	472,241	-	-	-	100%
		2010	120,000	120,000				100%
		2012	352,241	352,241				100%
2	Đường TT Đức Phổ nối dài		1,048,466	-	1,048,466	1,048,466	-	0%
		2011	988,466	-	988,466	988,466	-	0%
		2012	60,000	-	60,000	60,000	-	0%
3	Đường TT thị trấn Đức Phổ	2007	524,360	524,360			-	100%
4	Hồ chứa nước Lỗ Lá		3,718,104	1,678,706	2,039,398	2,039,398	-	45%
		2010	3,606,700	1,567,302	2,039,398	2,039,398	-	43%
		2014	111,404	111,404				100%
5	Đường QL 1A- Phổ Vinh		2,532,619	273,341	2,259,278	2,259,278	-	11%
		2011	2,382,619	123,341	2,259,278	2,259,278	-	5%
		2012	150,000	150,000				100%
6	Hồ chứa nước Cây Xoài	2014	20,383	20,383				100%
7	QL 1A Mỹ Á - KCN Phổ Phong gđ1	2013	173,466	173,466				100%
III	UBND huyện Minh Long		72,106	-	72,106	72,106	-	0%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		<i>72,106</i>	-	<i>72,106</i>	<i>72,106</i>	-	<i>0%</i>
1	Đường Suối Tia-TTGD thường xuyên		72,106	-	72,106	72,106	-	0%
IV	UBND huyện Sơn Hà		2,284,832	160,708	2,124,124	2,124,043	81	7%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		<i>2,284,832</i>	<i>160,708</i>	<i>2,124,124</i>	<i>2,124,043</i>	<i>81</i>	<i>7%</i>

STT	Chủ đầu tư Tên dự án	Niên độ tạm ứng	Tổng số dư nợ tạm ứng quá hạn đến thời điểm 31/12/2016	Số thu hồi đến 31/12/2017	Tổng số nợ tạm ứng quá hạn còn phải thu hồi	Trong đó		Tỉ lệ % thu hồi
						Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	
1	Đền bù GPMB năng lượng NT VN Sơn Hà	2002	160,789	160,708	81		81	100%
2	Đường Giá Gỏi- Mô Nic	2010	2,124,043	-	2,124,043	2,124,043		0%
V	UBND huyện Tây Trà		8,964,953	879,376	8,085,577	8,085,577	-	10%
*	<i>BQL các DA ĐT&XD huyện</i>		<i>8,964,953</i>	<i>879,376</i>	<i>8,085,577</i>	<i>8,085,577</i>	-	<i>10%</i>
1	Đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung	2010	5,020,595	-	5,020,595	5,020,595		0%
2	Đường Trà Phong -Trà Ka	2010	3,944,358	879,376	3,064,982	3,064,982		22%
VI	UBND huyện Trà Bồng		93,358	-	93,358	-	93,358	0%
*	<i>BQL các DA ĐT&XD huyện</i>		<i>93,358</i>	-	<i>93,358</i>	-	<i>93,358</i>	<i>0%</i>
1	Năng lượng nông thôn VN Trà Bồng	2002	93,358	-	93,358		93,358	0%
VII	UBND huyện Ba Tơ		3,738,441	8,596	3,729,845	3,729,845	-	0%
*	<i>BQL các DA ĐT&XD huyện</i>		<i>3,738,441</i>	<i>8,596</i>	<i>3,729,845</i>	<i>3,729,845</i>	-	<i>0%</i>
1	Chợ liên xã khu Đông	2010	8,596	8,596				100%
2	Đường Ba Tơ Ba Lễ	2010	3,729,845	-	3,729,845	3,729,845		0%
B	Các Sở, ban ngành		12,619,989	8,095,534	4,524,455	1,902,602	2,621,853	64%
I	BQL DA Đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT		398,803	239,531	159,272	159,272	-	60%
1	Hợp phân di dân TĐC hồ chứa Nước Trong	2012	398,803	239,531	159,272	159,272		60%
II	BQL khu KT Dung Quất		5,239,891	2,966,322	2,273,569	114,785	2,158,784	57%
*	<i>BQL các dự án đầu tư D.Quất</i>		<i>2,758,834</i>	<i>1,872,636</i>	<i>886,198</i>	<i>114,785</i>	<i>771,413</i>	<i>68%</i>
1	XD tuyến đường trục KKT Dung Quất		1,137,024	1,137,024	-	-	-	100%
		2008	845,487	845,487				100%
		2010	187,587	187,587				100%
		2011	53,846	53,846				100%
		2012	28,683	28,683				100%
		2013	21,421	21,421				100%
2	Thu gom nước thải KCN phía đông D.Quất	2013	143,156	143,156				100%
3	Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ cứu nạn đập Cà Ninh	2014	592,456	592,456				100%
4	XD hệ thống hạ tầng KT các KDC trong khu kinh tế D.Quất	2012	57,785	-	57,785	57,785		0%
5	Đền bù GPMB phía Đông Dung Quất	2012	57,000	-	57,000	57,000	-	0%
6	Tuyến đường GT Trục chính nối đô thị Vạn Tường	2014	771,413	-	771,413		771,413	0%
*	<i>BQL DA TT phát triển quỹ đất Dung Quất</i>		<i>1,707,279</i>	<i>319,908</i>	<i>1,387,371</i>	-	<i>1,387,371</i>	<i>19%</i>
7	BT, HT bổ sung cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất	2009	1,497,953	110,582	1,387,371		1,387,371	7%
8	Bồi thường GPMB để xây dựng nhà máy thép Quang Lien		209,326	209,326	-	-	-	100%
		2013	19,927	19,927				100%
		2013 (ứng NST)	189,399	189,399				100%
*	<i>BQL phát triển đô thị Vạn Tường</i>		<i>771,413</i>	<i>771,413</i>	-	-	-	<i>100%</i>
9	Tuyến đường GT Trục chính nối đô thị Vạn Tường	2014	771,413	771,413				100%

STT	Chủ đầu tư Tên dự án	Niên độ tạm ứng	Tổng số dư nợ tạm ứng quá hạn đến thời điểm 31/12/2016	Số thu hồi đến 31/12/2017	Tổng số nợ tạm ứng quá hạn còn phải thu hồi	Trong đó		Tỉ lệ % thu hồi
						Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	
*	BQL KKT Dung Quất		2,365	2,365				100%
10	Đền bù cho nhà đầu tư NN (58 ha)	2008	2,365	2,365				100%
III	Sở Nông nghiệp PTNT		1,303,856	235,981	1,067,875	1,018,500	49,375	18%
1	Nuôi tôm trên cát Bình Phú	2010	182,500	-	182,500	182,500		0%
2	Lâm viên Thiên Ân	2008	836,000	-	836,000	836,000		0%
3	Cảng cá và TT dịch vụ nghề cá Sa Kỳ (g/đ I)	2003	10,000	-	10,000		10,000	0%
4	Cảng cá và TT dịch vụ nghề cá Sa Kỳ	2010	275,356	235,981	39,375		39,375	86%
IV	Sở Y tế		153,000	-	153,000	153,000	-	0%
1	Trung tâm y tế Sơn Hà	2002	153,000	-	153,000	153,000		0%
V	Sở Giao thông - vận tải		1,100,414	1,100,414	-	-	-	100%
*	BQL DA Sở GTVT		1,100,414	1,100,414	-	-	-	100%
1	Đường Nguyễn Trãi gđ 1	2006	559,422	559,422				100%
2	NC, MR tỉnh lộ 623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham)	2014	20,413	20,413				100%
3	Đường bờ nam sông Trà Khúc		65,544	65,544	-			100%
		2012	33,429	33,429				100%
		2013	32,115	32,115				100%
4	Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A		455,035	455,035	-			100%
		2014	288,889	288,889				100%
		2015	166,146	166,146				100%
VI	Cty TNHH MTV ĐTXD & KDDV Quảng Ngãi		4,187,595	3,553,286	634,309	220,615	413,694	85%
1	Bồi thường nút giao thông Đường Nguyễn Chí Thanh	2005	80,055	36,298	43,757		43,757	45%
2	Bồi thường, GPMB Nhà máy Bia	2006	1,427,596	1,286,398	141,198		141,198	90%
3	Bồi thường, GPMB khu công nghiệp Quảng Phú		1,578,857	1,578,857	-	-	-	100%
		2005	1,445,504	1,445,504				100%
		2010	133,353	133,353				100%
4	Bồi thường, GPMB khu công nghiệp Tịnh Phong		85,144	85,144	-	-	-	100%
		2005	51,785	51,785				100%
		2011	33,359	33,359				100%
5	Khu dân cư và dịch vụ phục vụ KCN Tịnh Phong	2005	50,511	50,511				100%
6	Đường vào KCN Quảng Phú (giai đoạn II)	2004	87,243	-	87,243	87,243	-	0%
7	Khu TĐC Gò Xoài đường Nguyễn Chí Thanh	2006	228,739	-	228,739		228,739	0%
8	Hệ thống xử lý nước thải - KCN Tịnh Phong (g/đ I)	2011	71,688	-	71,688	71,688		0%
9	Đầu tư HT khu nhà ở CN và người có TN thấp		577,762	516,078	61,684	61,684	-	89%
		2010	299,932	299,932				100%
		2013	277,830	216,146	61,684	61,684		78%

STT	Chủ đầu tư Tên dự án	Niên độ tạm ứng	Tổng số dư nợ tạm ứng quá hạn đến thời điểm 31/12/2016	Số thu hồi đến 31/12/2017	Tổng số nợ tạm ứng quá hạn còn phải thu hồi	Trong đó		Tỉ lệ % thu hồi
						Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	
VII	Công ty TNHH MTV khai thác CT Thuỷ lợi		170,000	-	170,000	170,000	-	0%
1	Tiêu ứng thoát lũ kênh B3	2010	70,000	-	70,000	70,000		0%
2	KCH và hoàn thiện kênh chính Nam	2012	100,000	-	100,000	100,000		0%
VIII	Văn phòng UBND Tỉnh		66,430	-	66,430	66,430	-	0%
1	Tin học hoá quản lý Nhà nước	2002	66,430	-	66,430	66,430		0%